

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã QR
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				
1	1.115169	Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	
2	2.002889	Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	
3	2.002887	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	
4	2.002888	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề	Giáo dục nghề nghiệp	
5	2.002886	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	
6	2.002885	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	
7	2.002884	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	Giáo dục nghề nghiệp	
8	2.002890	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp	Giáo dục nghề nghiệp	
9	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	

10	1.000482	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực sang trường học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	
11	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	
12	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06)	

II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

13	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	
14	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	
15	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	
16	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giáo dục thường xuyên	
17	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	
18	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên	

19	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	
20	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	
21	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên	

III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC

22	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	
23	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	
24	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	
25	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học	
26	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	
27	2.002854	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	Giáo dục trung học	

28	2.002857	Tiếp nhận học sinh xin học lại	Giáo dục trung học	
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN				
29	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
30	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
31	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
32	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
33	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
34	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
35	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
36	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

37	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
38	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
39	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
40	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
41	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
42	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
43	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
44	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
45	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

46	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
47	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
48	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
49	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
50	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

51	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
52	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
53	1.008720	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
54	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	

55	1.013767	Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
----	----------	---	----------------------------------	---

VI. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

56	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	
57	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	
58	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	

VII. LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH

59	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	
60	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	
61	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	
62	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Thi, tuyển sinh	
63	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh	

64	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh	
65	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Thi, tuyển sinh	
66	1.014957	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	Thi, tuyển sinh	
67	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Thi, tuyển sinh	

VIII. LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

68	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	
69	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ	
70	2.002850	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	
71	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Văn bằng, chứng chỉ	
72	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Văn bằng, chứng chỉ	